

BẢNG TÍNH SỐ LIỆU TIỀN NƯỚC KTX NHÀ K3 NĂM 2015

Tháng 9 năm 2015

Số phòng	Số HS ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (11.700*10%)	Thành tiền	Ghi chú
101	8	738	778	40	12.870	514.800	
102	8	793	819	26	12.870	334.620	
103	7	539	557	18	12.870	231.660	
104	8	501	521	20	12.870	257.400	
105	8	479	489	10	12.870	128.700	
106	8	489	493	4	12.870	51.480	
107	PSHC				12.870	0	
108					12.870	0	
109	8	630	654	24	12.870	308.880	
110	8	302	314	12	12.870	154.440	
111	8	506	513	7	12.870	90.090	
112	8	748	768	20	12.870	257.400	
113	5	537	561	24	12.870	308.880	
114	8	507	529	22	12.870	283.140	
201	8	664	681	17	12.870	218.790	
202	8	480	500	20	12.870	257.400	
203	8	1203	1219	16	12.870	205.920	
204	8	643	672	29	12.870	373.230	
205	8	855	883	28	12.870	360.360	
206	8	747	762	15	12.870	193.050	
207	7	1115	1135	20	12.870	257.400	
208	8	842	857	15	12.870	193.050	
209	8	998	1014	16	12.870	205.920	
210	8	1013	1028	15	12.870	193.050	
211	8	1285	1300	15	12.870	193.050	
212	8	768	775	7	12.870	90.090	
213	8	836	859	23	12.870	296.010	
214	8	837	854	17	12.870	218.790	
301	7	778	796	18	12.870	231.660	
302	8	784	816	32	12.870	411.840	
303	8	936	964	28	12.870	360.360	
304	8	671	695	24	12.870	308.880	
305	8	652	681	29	12.870	373.230	
306	8	841	867	26	12.870	334.620	
307	PSHC				12.870	0	
308					12.870	0	
309	8	697	715	18	12.870	231.660	
310	8	723	741	18	12.870	231.660	

311	8	635	652	17	12.870	218.790
312	8	651	666	15	12.870	193.050
313	8	671	682	11	12.870	141.570
314	8	806	817	11	12.870	141.570
401	8	770	783	13	12.870	167.310
402	8	698	713	15	12.870	193.050
403	8	840	850	10	12.870	128.700
404	8	641	661	20	12.870	257.400
405	8	453			12.870	0
406	8	527	541	14	12.870	180.180
407	8	628	634	6	12.870	77.220
408	8	658	682	24	12.870	308.880
409	8	422	431	9	12.870	115.830
410	8	500	513	13	12.870	167.310
411	8	452	473	21	12.870	270.270
412	8	430	441	11	12.870	141.570
413	8	596	610	14	12.870	180.180
414	8	391	400	9	12.870	115.830
501	8	533	548	15	12.870	193.050
502	8	367	383	16	12.870	205.920
503	8	370	380	10	12.870	128.700
504	8	428	429	1	12.870	12.870
505	8	430	438	8	12.870	102.960
506	8	448	451	3	12.870	38.610
507	7	274	287	13	12.870	167.310
508	8	229	247	18	12.870	231.660
509	8	464	479	15	12.870	193.050
510	8	263	271	8	12.870	102.960
511	6	267	284	17	12.870	218.790
512	8	365	375	10	12.870	128.700
513	8	280	295	15	12.870	193.050
514	7	435	446	11	12.870	141.570
Cộng	518			1.066		13.719.420

(Bằng chữ: Mười ba triệu bảy trăm mười chín nghìn bốn trăm hai mươi đồng)

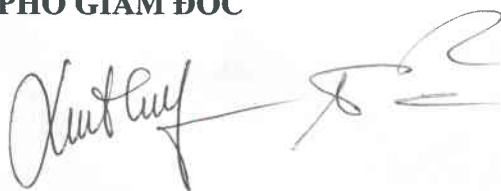
PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KÝ TÚC XÁ

NGƯỜI ĐỌC SỐ

NGƯỜI LẬP



ThS. Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Dương Văn Thanh

Trần Thị Hà